

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ – ST
Ngày 25 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái
2. Ông Phan Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Đức L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2019 và quá trình xét xử, nguyên đơn Dương Đức L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và bị đơn chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp giấy chứng nhận ngày 06 tháng 9 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh ở thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không nghe lời anh, không quan tâm đến gia đình và nhiều lần có lời nói xúc phạm anh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị T để tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Dương Đức T, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 và cháu Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2016 hiện đang ở với chị T. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, nếu không được thì anh xin nuôi cháu Tâm, còn để chị T nuôi cháu Như và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày: Thừa nhận toàn bộ lời trình bày của anh L về việc kết hôn, thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn của vợ chồng và con chung là đúng. Theo chị thì nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc phần lớn là do lỗi của anh L chứ không phải do lỗi của chị. Anh L thường xuyên đi chơi qua đêm nên hai vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát đánh nhau. Chị đã bỏ qua mọi lỗi lầm của anh để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì lại xảy ra mâu thuẫn và hai bên thường xuyên cãi chửi nhau. Quá trình chuẩn bị xét xử chị xin hàn gắn tình cảm vì các con còn nhỏ muốn các cháu có đầy đủ sự quan tâm chăm sóc của cả bố và mẹ, tuy nhiên nay anh L vẫn cương quyết xin ly hôn nên chị cũng đồng ý. Vì chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Về con chung: Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu T và N; nếu không được thì chị xin nuôi cháu Tâm và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Dương Đức L được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Giao cháu Dương Đức T, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 cho anh Dương Đức L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét về việc chia tài sản trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tuy bị đơn đang cư trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng có đơn đề nghị giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Dương Đức L với bị đơn Nguyễn Thị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự và ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của các cháu thì vợ chồng anh L, chị T có 02 con chung là cháu Dương Đức T, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 và cháu Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2016. Quá trình chuẩn bị xét xử các đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa các đương sự đều có quan điểm trường hợp không được nuôi cả hai cháu thì xin trực tiếp nuôi cháu T. Thấy rằng nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự là hợp pháp và cả hai bên đều có đầy đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên để đảm bảo việc chăm sóc các cháu được tốt hơn thì cần giao cho mỗi đương sự được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; đối với cháu N là con gái cần đến sự yêu thương, chăm sóc trực tiếp của người mẹ nhiều hơn nên giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Do các đương sự không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tòa không xét.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Dương Đức L và chị Nguyễn Thị T.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Đức T, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2014 cho anh Dương Đức L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Dương Thị Quỳnh N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Dương Đức L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0003471 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Quất Lưu;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Thái Phan Thanh Minh

Nguyễn Thanh Danh